



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs FDEA
State Secretariat for Economic Affairs SECO



TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN
ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP

LOẠI HÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN

LỜI NÓI ĐẦU

“THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LÀ QUYỀN CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VÀ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BẢO HỘ”.

Trong khuôn khổ hoạt động của Dự án “Mở rộng các loại hình doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia” được tài trợ bởi Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành biên soạn Bộ tài liệu “Hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp” nhằm mục đích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong quá trình tìm hiểu về các loại hình doanh nghiệp và chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cho việc đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

Với ý nghĩa đó, Bộ tài liệu được xây dựng thành 04 quyển, dành riêng cho từng loại hình doanh nghiệp, bao gồm: Quyển 1 – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyển 2 – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyển 3 – Công ty cổ phần, Quyển 4 – Doanh nghiệp tư nhân. Đây là một tài liệu mang tính chất tham khảo, không phải là văn bản pháp lý.

Chúng tôi hy vọng rằng Bộ tài liệu sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho những doanh nhân tiềm năng trước khi khởi đầu công việc kinh doanh hay các cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu tham khảo.

Nhân đây, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ, Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc đã có những hỗ trợ hết sức thiết thực vì sự phát triển của lĩnh vực đăng ký kinh doanh ở Việt Nam nói riêng, khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam nói chung.

Cuối cùng, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý độc giả để Bộ tài liệu này được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!



MỤC LỤC

1.	Những thông tin cơ bản cần tìm hiểu trước khi thành lập doanh nghiệp?	5
2.	Công ty cổ phần được hiểu như thế nào?	5
3.	Ai là cổ đông sáng lập trong Công ty cổ phần?	6
4.	Tại sao lựa chọn loại hình doanh nghiệp là Công ty cổ phần?	6
5.	Mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần?	7
6.	Khái niệm và một số lưu ý về: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng GD, Ban kiểm soát?	8
7.	Ai là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần?	12
8.	Công ty cổ phần có thể huy động vốn bằng những cách nào?	13
9.	Các loại cổ đông trong Công ty cổ phần?	15
10.	Các quyền cơ bản của cổ đông trong Công ty cổ phần?	15
11.	Phân biệt Công ty cổ phần và Công ty TNHH hai thành viên trở lên như thế nào?	16
12.	Đặt tên doanh nghiệp như thế nào cho đúng với quy định của pháp luật?	16
13.	Như thế nào được gọi là tên trùng, tên gây nhầm lẫn?	17
14.	Những điều cần biết về quy định đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp?	18
15.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập Công ty cổ phần?	19
16.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh?	21
17.	Các nghĩa vụ của doanh nghiệp	22
18.	Cơ chế liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư?	23
19.	Một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh?	23



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Công ty cổ phần	CTCP
Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty TNHH
Đăng ký kinh doanh	ĐKKD
Đăng ký doanh nghiệp	ĐKDN
Đăng ký đầu tư	ĐKĐT
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Hội đồng quản trị	HDQT
Ban kiểm soát	BKS
Tổng giám đốc	TGD
Giám đốc	GD
Cổ phần	CP
Cổ đông	CĐ



01. NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN CẦN TÌM HIỂU TRƯỚC KHI THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP?



Thành lập doanh nghiệp là bước khởi đầu, tạo lập công cụ để thực hiện một ý tưởng kinh doanh. Để đảm bảo doanh nghiệp của bạn sẽ là một công cụ kinh doanh hiệu quả và an toàn, trước tiên, bạn cần lưu ý tìm hiểu những thông tin cơ bản sau:

- Loại hình doanh nghiệp nào là phù hợp?
- Lựa chọn mô hình tổ chức quản lý nào?
- Lựa chọn tên doanh nghiệp như thế nào?
- Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp ra sao?

Bộ tài liệu hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên. Ngoài ra, bạn có thể truy cập, tham khảo thêm thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: <http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn>.

Riêng cuốn tài liệu bạn đang có trên tay sẽ cung cấp cho bạn những thông tin cần thiết về loại hình Công ty cổ phần.

02. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC HIỂU NHƯ THẾ NÀO?



CTCP là một loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần (CP);
- Cổ đông sở hữu CP có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng Cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
- Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng CP của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;
- CTCP có quyền phát hành CP các loại để huy động vốn.

03. AI LÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN?



Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần.



LƯU Ý:

- CTCP mới thành lập phải có ít nhất 03 CD sáng lập; CTCP được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ Công ty TNHH hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ CTCP khác không nhất thiết phải có CD sáng lập.
- Các CD sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số CP phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.
- Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, CD sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng CP của mình cho CD sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng CP phổ thông của mình cho người không phải là CD sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trường hợp này, CD dự định chuyển nhượng CP không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các CP đó.

04. TẠI SAO LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN?



So với các loại hình doanh nghiệp khác, CTCP có những ưu điểm như sau:

- Được phát hành cổ phần để huy động vốn tham gia của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Có cấu trúc vốn đa dạng, phù hợp với yêu cầu phát triển và yêu cầu quản lý của công ty; CD của CTCP được thực hiện các quyền của chủ sở hữu thông qua ĐHĐCĐ;
- Các CD chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn góp nên mức độ rủi ro của các CD không cao
- Quy mô hoạt động của CTCP thường lớn với khả năng mở rộng kinh doanh thuận lợi thông qua huy động vốn CP.

05. MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN?



CTCP có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau:

MÔ HÌNH 1

Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng GD.



LƯU Ý: Trường hợp CTCP có dưới 11 CD và các CD là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số CP của công ty thì không bắt buộc phải có BKS.

MÔ HÌNH 2:

Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng GD.



LƯU Ý: Ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

06. KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LƯU Ý VỀ: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC/TỔNG GD, BAN KIỂM SOÁT?



ĐHĐCĐ: gồm tất cả CĐ có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP.

CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐHĐCĐ:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty
- Quyết định loại CP và tổng số CP của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại CP;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số CP đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý các sai phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và CĐ của công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

TRIỆU TẬP HỢP ĐHĐCĐ:

- ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan ĐKKD có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty
 - Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật
 - Theo yêu cầu của CĐ hoặc nhóm CĐ quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp
 - Theo yêu cầu của BKS
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ:

- Có số CĐ dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số CĐ dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các CĐ dự họp.

HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ:

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số CP có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- Trường hợp có CĐ, nhóm CĐ yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

HĐQT: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HĐQT:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty
- Kiến nghị loại CP và tổng số CP được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán CP mới trong phạm vi số CP được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán CP và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại CP theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với GD hoặc TGD và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo GD hoặc TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua CP của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT:

- HĐQT có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên HĐQT.
- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định.
- Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- Trường hợp CTCP được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên HĐQT tương ứng.
- Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT: HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm GD hoặc TGD công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT
- Tổ chức việc thông qua và giám sát tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp HĐQT
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC: Giám đốc/Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc/Tổng giám đốc
- Tuyển dụng lao động
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT: Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao; có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

07. AI LÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN?



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP LÀ CÁ NHÂN ĐẠI DIỆN CHO DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ PHÁT SINH TỪ GIAO DỊCH CỦA DOANH NGHIỆP, ĐẠI DIỆN CHO DOANH NGHIỆP VỚI TƯ CÁCH NGUYÊN ĐƠN, BỊ ĐƠN, NGƯỜI CỐ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN TRƯỚC PHÁP LUẬT.

Luật Doanh nghiệp cho phép CTCP và công ty TNHH có thể có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể về số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch HĐQT hoặc GD hoặc TGD là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch HĐQT và GD hoặc TGD đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.



LƯU Ý: Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

08. CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ THỂ HUY ĐỘNG VỐN BẰNG NHỮNG CÁCH NÀO?



VIỆC HUY ĐỘNG VỐN TRONG CTCP THÔNG QUA PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CÁC LOẠI LÀ MỘT ĐIỂM ƯU VIỆT CƠ BẢN CỦA LOẠI HÌNH CTCP SO VỚI CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH KHÁC. LUẬT DOANH NGHIỆP QUY ĐỊNH HAI HÌNH THỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CƠ BẢN CỦA CTCP LÀ: PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.

1. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Phát hành cổ phiếu khi thành lập công ty

Khi thành lập, CTCP phải huy động vốn góp của các CĐ. Các CĐ sáng lập phải thực hiện nguyên tắc nhất trí về số lượng CP, loại CP dự kiến chào bán. Các nội dung này được ghi trong Điều lệ công ty.

- Các CĐ sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số CP phổ thông được quyền phát hành tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.
- Không được rút vốn đã góp bằng CP phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại CP.
- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các CĐ phải thanh toán đủ số CP đã đăng ký mua.
- Nếu sau thời hạn quy định có CĐ chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số CP đã đăng ký mua, thì:
 - CĐ chưa thanh toán số CP đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là CĐ của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua CP đó cho người khác
 - CĐ chỉ thanh toán một phần số CP đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số CP đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số CP chưa thanh toán cho người khác
 - Số CP chưa thanh toán được coi là CP chưa bán và HĐQT được quyền bán
 - Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số CP đã được thanh toán đủ và thay đổi CĐ sáng lập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số CP đã đăng ký mua

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- **Cổ phiếu** là chứng chỉ do CTCP phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số CP của công ty đó
- CTCP có cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi
- **CP phổ thông** là loại CP bắt buộc khi thành lập CTCP
- **CP ưu đãi** bao gồm các loại:
 - CP ưu đãi biểu quyết
 - CP ưu đãi cổ tức
 - CP ưu đãi hoàn lại
 - CP ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định
- CP phổ thông không thể chuyển thành CP ưu đãi. CP ưu đãi có thể chuyển thành CP phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- **CP được quyền chào bán** là tổng số CP các loại mà ĐHĐCĐ quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số CP được quyền chào bán tại thời điểm ĐKDN là tổng số CP các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm CP đã được đăng ký mua và CP chưa được đăng ký mua.
- **CP đã bán** là số CP được quyền chào bán đã được các CĐ thanh toán đủ cho công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, CP đã bán là tổng số CP các loại đã được đăng ký mua.
- **CP chưa bán** là CP được quyền chào bán và chưa được thanh toán. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, CP chưa bán là tổng số CP mà chưa được các CĐ

Phát hành cổ phiếu trong quá trình hoạt động

CTCP thực hiện việc chào bán cổ phần theo một trong các phương thức sau:

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, kể cả internet
- Chào bán cho từ 100 nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Chào bán cho một số lượng nhà đầu tư không xác định
- Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư đã được xác định

Để chào bán CP, CTCP phải thực hiện đầy đủ các quy định sau:

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện chào bán CP thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán
- CP được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và thông tin người mua được ghi vào sổ đăng ký CD. Người mua trở thành CD của công ty
- Trường hợp công ty phát hành thêm CP phổ thông và chào bán số CP đó cho tất cả CD phổ thông theo tỷ lệ CP hiện có của họ thì công ty phải thông báo bằng văn bản đến các CD kèm theo mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành

2. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU:

CTCP có thể phát hành trái phiếu để vay vốn trung hạn và dài hạn khi nhu cầu về vốn kinh doanh vượt quá khả năng tài chính của các CD.

CTCP có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Trái phiếu có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Có thời gian đáo hạn. Khi đến thời gian đáo hạn, người chủ sở hữu trái phiếu được hoàn trả khoản vay gốc (hoặc giá danh nghĩa)
- Có lợi tức cố định, tiền lãi phải trả cho chủ sở hữu không phụ thuộc vào mức lợi nhuận của công ty
- Người sở hữu trái phiếu không có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề của công ty
- Trái phiếu cho phép chủ sở hữu quyền ưu tiên về phân chia lợi nhuận cũng như tài sản trong trường hợp giải thể hoặc phá sản
- Trái phiếu có thể tự do chuyển nhượng trên thị trường chứng khoán

đăng ký mua.

- **Vốn điều lệ** là tổng giá trị mệnh giá số CP đã bán các loại. Tại thời điểm đăng ký thành lập, vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá CP các loại đã đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.
- **Sổ đăng ký CD:** CTCP phải lập và lưu giữ sổ đăng ký CD từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký CD có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này
- **Phát hành cổ phiếu** là việc chào bán CP của CTCP cho nhà đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn của công ty. Việc phát hành cổ phiếu có thể diễn ra nhiều lần và được chia thành các trường hợp: phát hành cổ phiếu lần đầu để huy động vốn thành lập công ty và phát hành cổ phiếu trong quá trình hoạt động của công ty.
- **Trái phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành
- **Trái phiếu chuyển đổi** là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của công ty phát hành theo điều kiện đã quy định trước
- Trừ khi Điều lệ có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành và phải báo cáo ĐHCD tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của ĐHQT về việc phát hành trái phiếu

09. CÁC LOẠI CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN?



CTCP LÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP BAO GỒM NHIỀU CHỦ SỞ HỮU, TRONG ĐÓ, MỖI CHỦ SỞ HỮU CÓ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI PHẦN VỐN GÓP VÀO DOANH NGHIỆP VÀ ĐƯỢC GỌI LÀ “CĐ”. CÁC LOẠI CĐ ĐƯỢC PHÂN BIỆT BẰNG QUYỀN CÙNG NHƯ NGHĨA VỤ GẮN LIỀN VỚI LOẠI CỔ PHIẾU MÀ HỌ SỞ HỮU.

Cổ đông phổ thông: Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Cổ đông ưu đãi: Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: Cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ phần ưu đãi cổ tức; Cổ phần ưu đãi hoàn lại; Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.

10. CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN?



CĐ PHỔ THÔNG	CĐ ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT	CĐ ƯU ĐÃI CỔ TÚC VÀ CĐ ƯU ĐÃI HOÀN LẠI
Quyền biểu quyết: tương ứng với số CP sở hữu để quyết định các vấn đề quan trọng của công ty trong kỳ họp ĐHĐCĐ. Mỗi CP phổ thông có một phiếu biểu quyết. CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu từ 10% tổng số CP phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS.	CĐ ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với CP phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một CP ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.	CĐ ưu đãi không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT, BKS.
Quyền được tự do chuyển nhượng CP cho CĐ khác hoặc cho người khác (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp).	Không có quyền chuyển nhượng CP ưu đãi biểu quyết cho người khác.	CP ưu đãi có thể chuyển đổi thành CP phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng CĐ.
Quyền được nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ		Nhận ưu đãi cổ tức hoặc ưu đãi hoàn lại theo điều kiện đã ghi tại cổ phiếu
Quyền được nhận một phần tài sản khi công ty giải thể hoặc phá sản sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ		
Quyền được ưu tiên mua CP mới chào bán tương ứng với tỷ lệ CP sở hữu		
Quyền được cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty		

11. PHÂN BIỆT CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN NHƯ THẾ NÀO?



	CÔNG TY CP	CÔNG TY TNHH 2 TV TRỞ LÊN
ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG	Thành viên và CD có thể là tổ chức hoặc cá nhân	
	Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
	Tài sản của công ty tách bạch với tài sản của cổ đông và thành viên	
	Không hạn chế thời gian hoạt động	
	Được chuyển đổi từ CTCP thành công ty TNHH và ngược lại	
ĐIỂM KHÁC BIỆT	Cổ đông/ thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp	
	Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không giới hạn số lượng tối đa	Số lượng thành viên không vượt quá 50 thành viên
	Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng CP của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết và quy định tại trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp	Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định tại các Điều 52, 53 và 54 của Luật Doanh nghiệp
	Có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn	Không được quyền phát hành chứng khoán

12. ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP NHƯ THẾ NÀO CHO ĐÚNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT?



QUY TẮC ĐẶT TÊN:

Tên doanh nghiệp = “Công ty cổ phần” + “Tên riêng của doanh nghiệp”

Hoặc: “Công ty CP” + “Tên riêng của doanh nghiệp”

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Ví dụ: Có thể đặt tên doanh nghiệp như sau: “Công ty cổ phần thương mại Ngân Hà”; “Công ty CP Cơ khí Z80”.

TÊN DOANH NGHIỆP BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI VÀ TÊN VIẾT TẮT:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh
- Tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài

Ví dụ: “Công ty CP Nhựa Bình Minh” có thể sử dụng tên tiếng Anh là: “Bình Minh Plastic Shareholding Company” hoặc “Sunrise Plastic Joint-stock Company”.

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành
- Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

CÁC YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN TÊN DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp
- Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành

NHỮNG ĐIỀU CẤM TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP:

- Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký
- Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó
- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc



LƯU Ý: Cơ quan ĐKKD có quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan ĐKKD là quyết định cuối cùng.

13. NHƯ THẾ NÀO ĐƯỢC GỌI LÀ TÊN TRÙNG, TÊN GÂY NHẦM LẪN?



- Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
- Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - Tên tiếng Việt được đọc giống nhau;
 - Tên viết tắt trùng nhau;
 - Tên bằng tiếng nước ngoài trùng nhau;
 - Tên riêng trùng nhau;
 - Tên riêng chỉ khác nhau bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp cùng loại chỉ khác với tên đã đăng ký bởi ký hiệu "&", ".", "+", "-", "_" (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ "tân" ngay trước hoặc "mới" ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ "miền Bắc", "miền Nam", "miền Trung", "miền Tây", "miền Đông" hoặc từ có ý nghĩa tương tự (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký).

14. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP?



NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.
- Doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.
- Các hành vi bị nghiêm cấm: kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

GHI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp
- Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Cơ quan ĐKKD hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Nếu doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.
- Đối với những ngành, nghề không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản QPPL khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản QPPL đó.



NÊN

Lựa chọn đăng ký những ngành, nghề mà doanh nghiệp sẽ hoạt động



KHÔNG NÊN

Đăng ký quá nhiều ngành, nghề kinh doanh so với thực tế hoạt động sẽ dễ gây hiểu nhầm và làm giảm mức độ tin tưởng của đối tác, khách hàng về thể mạnh, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty bạn.

15. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN?



CHUẨN BỊ HỒ SƠ

- 1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp
- 2. Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp)
- 3. Danh sách các CĐ sáng lập và CĐ là nhà đầu tư nước ngoài, Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với CĐ nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký)
- 4. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:
 - Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân
 - Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập Doanh nghiệp là tổ chức
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai phương thức nộp hồ sơ sau:

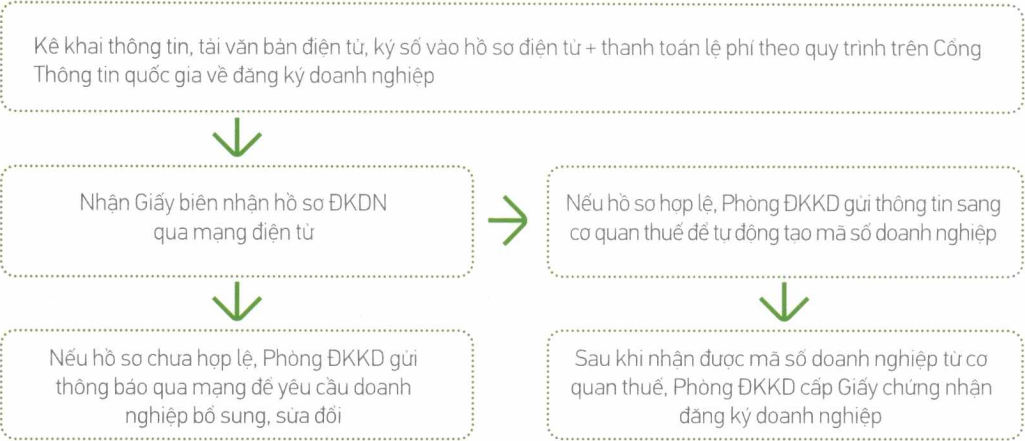
- 1. Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lệ phí trực tiếp tại Phòng ĐKKD
- 2. Hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lệ phí qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD) theo quy trình trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

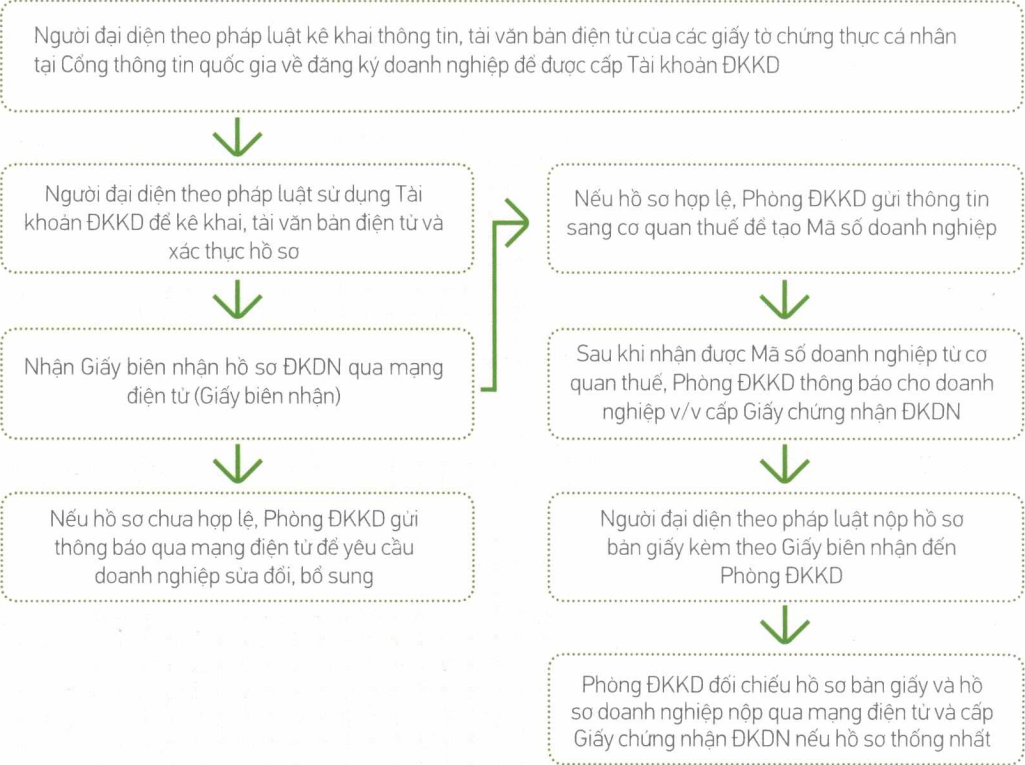
1. NẾU NỘP HỒ SƠ TRỰC TIẾP TẠI PHÒNG ĐKKD:



2. NẾU NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ:



3. NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐKKD:



LƯU Ý:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ được quy định tại Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về ĐKDN
- Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng ĐKKD không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực
- Nếu bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng ĐKKD tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.
- Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử ở trên cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:

- Ngành, nghề kinh doanh;
- Danh sách CĐ sáng lập và CĐ là nhà đầu tư nước ngoài

Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thời hạn thông báo công khai các thông tin về doanh nghiệp nêu trên là 30 ngày, kể từ ngày được công khai.

PHÍ, LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 200.000đ; Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 300.000đ.

16. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH?



Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.

Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính. doanh nghiệp chỉ được lập địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh.

CHUẨN BỊ HỒ SƠ

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (Phụ lục II-11, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT);
- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của HĐQT về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

- Nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện và lệ phí trực tiếp tại Phòng ĐKKD
- Hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lệ phí qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD) theo quy trình trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN





LƯU Ý Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải gửi Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài đến Phòng ĐKKD nơi doanh nghiệp đã đăng ký (Phụ lục II-12, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT). Kèm theo Thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN.

LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký hoạt động chi nhánh/VPDD, địa điểm kinh doanh: 100.000đ

17. CÁC NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP



Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong suốt vòng đời hoạt động, doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ sau:

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.
3. Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.
9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

18. CƠ CHẾ LIÊN THÔNG THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ?



Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, nhà đầu tư nước ngoài có quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư tại một đầu mối theo trình tự sau:

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký đầu tư.
2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan đăng ký kinh doanh.
3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo ý kiến cho cơ quan đăng ký đầu tư.
4. Trong trường hợp có yêu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ đăng ký đầu tư hoặc hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký đầu tư thông báo 01 lần về toàn bộ nội dung không hợp lệ cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.
5. Căn cứ hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã tiếp nhận, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp xử lý hồ sơ và trả kết quả cho nhà đầu tư tại cơ quan đăng ký đầu tư.

19. MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH/LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH?



Để thành lập và vận hành doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật, người thành lập doanh nghiệp cần tìm hiểu một số văn bản quy phạm pháp luật chính điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh sau:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật Đầu tư 2014
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.

DỰ ÁN MỞ RỘNG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 848 9912